

Số: 04/2022/CBTT-BAF

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Công ty: Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam
- Mã Chứng khoán: BAF
- Địa chỉ trụ sở chính: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 0766 074 787
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Bùi Hương Giang – Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 0766 074 787
- Loại công bố thông tin: 24 giờ 72 giờ bất thường định kỳ
- Nội dung công bố thông tin:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý IV/2021 (đính kèm).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <http://baf.vn/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu PKT, HC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Hương Giang

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.310.727.971.493	4.665.386.022.190
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	290.885.247.960	68.075.924.740
1. Tiền	111		265.635.247.960	67.525.924.740
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.250.000.000	550.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		57.182.666.667	17.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	65.097.500.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2	(7.914.833.333)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	17.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.863.418.579.152	3.583.378.328.039
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.714.759.096.330	3.518.691.350.382
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	115.690.518.984	13.949.144.029
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	4.380.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	32.882.305.836	46.271.175.626
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		86.658.002	86.658.002
IV. Hàng tồn kho	140		1.087.718.158.115	989.390.585.293
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.087.718.158.115	989.390.585.293
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.523.319.599	7.541.184.118
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	7.639.774.596	4.083.045.676
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.883.545.003	3.404.383.257
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	53.755.185
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.146.517.198.200	580.446.573.650
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		99.020.809.256	91.985.367.223
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	17.110.809.256	21.275.967.223
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	81.910.000.000	70.709.400.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		541.169.343.321	213.768.283.403
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	359.554.248.281	213.429.428.963
<i>Nguyên giá</i>	222		447.766.157.987	255.764.754.986
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(88.211.909.706)	(42.335.326.023)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	181.615.095.040	338.854.440
<i>Nguyên giá</i>	228		182.203.026.000	691.676.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(587.930.960)	(352.821.560)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	14.912.916.682	15.175.990.712
<i>Nguyên giá</i>	231		15.175.990.712	15.175.990.712
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(263.074.030)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		248.201.967.791	117.655.343.850
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	248.201.967.791	117.655.343.850
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	63.274.638.996	34.624.187.416
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		63.274.638.996	34.624.187.416
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		179.937.522.154	107.237.401.046
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	175.676.820.790	103.394.262.081
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.9	4.260.701.364	3.843.138.965
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.457.245.169.693	5.245.832.595.840

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.002.383.380.045	4.680.244.176.971
I. Nợ ngắn hạn	310		3.852.923.282.268	4.615.926.176.012
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	3.774.329.848.165	4.529.370.317.713
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.445.709.084	48.988.880.825
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	14.479.269.068	11.632.695.526
4. Phải trả người lao động	314		9.600.905.410	1.504.428.392
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.548.750.000	1.631.818.604
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	34.375.911.464	12.587.394.952
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	16.142.889.077	10.210.640.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		149.460.097.777	64.318.000.959
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	146.937.153.321	64.318.000.959
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.522.944.456	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.454.861.789.648	565.588.418.869
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.454.861.789.648	565.588.418.869
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		780.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		780.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		279.844.500.000	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		387.366.626.159	65.588.418.869
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		65.602.860.188	19.761.620.663
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		321.763.765.971	45.826.798.206
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.650.663.489	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.457.245.169.693	5.245.832.595.840

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Ngày 28 tháng 1 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc



Phan Ngọc Ân

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 -2021	Quý 4 - 2020	Lũy kế năm 2021	Lũy kế năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.347.823.222.759	4.485.224.269.400	10.414.230.486.881	12.845.638.170.061
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	176.339.100	32.092.635	595.796.386	32.092.635
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.347.646.883.659	4.485.192.176.765	10.413.634.690.495	12.845.606.077.426
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.207.423.539.979	4.442.487.967.769	9.925.303.574.191	12.650.419.341.158
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		140.223.343.680	42.704.208.996	488.331.116.304	195.186.736.268
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.351.554.795	2.321.889.251	5.398.408.870	4.078.219.283
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	25.598.113.998	14.054.281.121	32.098.742.607	119.150.779.549
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.751.379.049	12.292.785.383	8.252.007.658	114.976.065.796
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(421.214.752)	-	(749.548.420)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	7.487.692.038	653.200.423	15.742.973.158	1.662.852.857
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.902.088.894	4.926.826.939	55.026.068.650	14.840.343.136
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		92.165.788.793	25.391.789.764	390.112.192.339	63.610.980.009
12. Thu nhập khác	31	VI.8	5.353.170.252	246.932.085	8.542.526.283	1.015.767.945
13. Chi phí khác	32	VI.9	4.810.697.388	4.638.716.271	8.181.847.935	6.684.971.935
14. Lợi nhuận khác	40		542.472.864	(4.391.784.186)	360.678.348	(5.669.203.990)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		92.708.261.657	21.000.005.578	390.472.870.687	57.941.776.019
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		13.521.833.861	4.726.623.725	66.115.605.996	12.114.977.813
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2.522.944.456	-	2.522.944.456	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		76.663.483.340	16.273.381.853	321.834.320.235	45.826.798.206
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		76.549.394.870	16.273.381.853	321.763.765.971	45.826.798.206
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		114.088.470	-	70.554.264	-

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Thúy



Phan Ngọc Ân

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	390.472.870.687	57.941.776.019
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	32.470.795.540	17.236.642.581
- Các khoản dự phòng	03	7.914.833.333	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.858.487.134)	2.990.330.179
- Chi phí lãi vay	06	8.252.007.658	114.976.065.796
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	428.252.020.084	193.144.814.575
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	711.277.108.573	1.536.365.310.622
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(98.327.572.822)	(102.093.754.530)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(761.238.504.341)	254.539.562.232
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(38.553.787.629)	(47.847.944.463)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(65.097.500.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.252.007.658)	(119.081.716.683)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(63.433.657.343)	(3.722.333.471)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	111.473.100.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	104.626.098.864	1.822.777.038.282
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(384.213.455.739)	(192.000.336.123)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	23.762.120.150	2.466.005.855
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(36.922.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.165.157.967	22.396.032.777
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(197.515.388.947)	(74.196.385.934)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.388.889.486	2.408.987.353
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(530.212.677.083)	(275.847.696.072)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	559.844.500.000	400.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	99.090.750.439	1.064.051.555.272
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(10.539.349.000)	(2.972.387.852.461)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	648.395.901.439	(1.508.336.297.189)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	222.809.323.220	38.593.045.021
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	68.075.924.740	29.482.879.719
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	290.885.247.960	68.075.924.740

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Ngày 28 tháng 1 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc



Phan Ngọc Ân

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4
Năm 2021****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Chăn nuôi, Thương mại, sản xuất, dịch vụ,
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm gồm:
+ Buôn bán hàng nông sản: ngô, lúa mỳ, khô đậu tương...
+ Chăn nuôi hỗn hợp
+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi (cám)
- 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng
- 5. Danh sách các công ty con được hợp nhất Công ty con**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Thôn Kinh tế 2, Xã Eatrol, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	Thôn Jang Pông, Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành	Tổ 3, Ấp Thạnh Trung, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh	Ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	Ấp Hòa Đông A, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2	Ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	98,00%	98,00%
Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Thửa đất 5,6,7,8, tờ bản đồ 109 xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,40%	99,40%
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hinh	Buôn Thung, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh	Lô A20, Đường N8B, KCN Thành Thành Công, Phường An Hòa, Thị xã Trảng Bàng,	Chăn nuôi	99,00%	99,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định	Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Lô E5, khu công nghiệp Nhơn Hòa, khu vực Tân Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	Chăn nuôi	98,00%	98,00%

6. Công ty liên doanh liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	Số 2, đường 8A, khu phố 5, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh bán lẻ	43,24%	43,24%

7. Công ty liên doanh không được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Myanmar BAF Joint Venture Company Limited	Plot No. B-1,2,3,4,65,66,67,68, Kwin No. 511-Kha and 519-Ka, Nyaung Napin Tract, Vegetable Production and Chicken Livestock Special Zone-1, Hmawbi Township, Yangon, Myanmar	Chăn nuôi	21,47%	21,47%

Lý do không Hợp nhất: Do Công ty Myanmar BAF Joint Venture Company Limited đang trong giai đoạn đầu tư.

8. Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 101, khu phố Đông, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. MST: 0107795944-001
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Khu C, KCN Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam MST: 0107795944-003
Địa điểm kinh doanh Hòa Bình 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Xóm Quê Sụ, xã Cao Rãm, Lương Sơn, Hòa Bình. MST: 0107795944-001
Địa điểm kinh doanh Vĩnh Phúc 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Nhật Chiêu 7, xã Châu Liêm, Yên Lạc, Vĩnh Phúc MST: 0107795944-002
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Quảng Trung, xã Thạch Quảng, Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam MST: 0107795944-003

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh Bình Thuận 2 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn Đông Thuận, xã Tân Hà, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam MST : 0107795944-004
Địa điểm kinh doanh Bình Thuận 1 - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thôn 3, xã Tân Hà, Huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam MST : 0107795944-005
Địa điểm kinh doanh Bình Phước - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Ấp Tân Phú, xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam MST : 0107795944-007
Địa điểm kinh doanh Bình Dương - Công ty CP Nông nghiệp BaF Việt Nam	Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 8, đường Hiếu Liêm 20, ấp cây Dâu, xã Hiếu Liêm, Huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam MST : 0107795944-008

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC

Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2020.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo

cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (với khoản đầu tư vào Công ty con).

4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Heo nọc, Heo nái

Bao gồm các chi phí phát sinh liên quan heo nọc, heo nái cho đến khi heo đủ điều kiện phối giống, chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi Heo được đưa vào phối giống

Khi heo chết, dịch bệnh toàn bộ chi phí trả trước sẽ được phân bổ vào giá vốn trong năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm

Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ

Là khoản nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại các Công ty con hoạt động Trang trại chăn nuôi heo. Thời gian phân bổ theo thời gian sử dụng đất đã được phê duyệt trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 10
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác (Heo)	04

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Sàn văn phòng	50

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất lâu dài nên không trích khấu hao

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nhận diện thương hiệu cơ bản được hoàn thành. Nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam số 29.04.2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc triển khai Phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

500.000.000.000 đồng lên 780.000.000.000 đồng. Ngày 01 tháng 9 năm 2021, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 5089/UBCK-QLCB chấp thuận Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 19/2021/BC-BAF ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Công ty là Thuế áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Tổng công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.106.990.230	7.478.354.069
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	260.528.257.730	60.047.570.671
Các khoản tương đương tiền	25.250.000.000	550.000.000
Cộng	<u>290.885.247.960</u>	<u>68.075.924.740</u>

2. Đầu tư tài chính**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Chứng khoán kinh doanh thể hiện giá trị 2.600.000 cổ phần của cổ phần của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh (CQN).

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	63.274.638.996	-	34.624.187.416	-
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam (1)	28.650.451.580	-	-	-
Myanmar Baf Joint Venture Company Limited (2)	34.624.187.416	-	34.624.187.416	-
Cộng	<u>63.274.638.996</u>	<u>-</u>	<u>34.624.187.416</u>	<u>-</u>

(1) Khoản đầu tư Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0316625505 cấp lần đầu ngày 05 tháng 12 năm 2020, thay đổi lần thứ 01 ngày 10 tháng 03 năm 2021. Đến nay Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam sở hữu 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Vốn góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	29.400.000.000
Tỷ lệ vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	43,24%
Tăng giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	<u>(749.548.420)</u>
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	<u>28.650.451.580</u>

(2) Khoản góp vốn liên doanh với Myanmar BAF Feed Farm Food Co., Ltd và Viet Agro Pte Ltd để thành lập công ty liên doanh MYANMAR BAF JOINT VENTURE COMPANY LIMITED. Theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đăng ký điều chỉnh lần thứ 01 số 201800466 ngày 13/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam đầu tư ra nước ngoài với số tiền 2.246.800 USD, trong đó: bằng tiền mặt: 466.816,15 USD; bằng giá trị máy móc thiết bị: 179.983,15 USD; và bằng hàng hóa: 1.600.000 USD. Đến nay, Công ty đã đầu tư bằng tiền mặt: 466.816,15 USD; bằng giá trị máy móc thiết bị: 179.983,15 USD, bằng hàng hóa: 847.899 USD tương đương 34.624.187.416 VND. Tương ứng với tỷ lệ góp vốn đến thời điểm này là 21,47%.

Công ty Myanmar BAF Joint Venture Company Limited đang trong giai đoạn đầu tư, chưa có kết quả kinh doanh do đó Công ty chưa thực hiện hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	11.175.437.524	-
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	10.699.655.474	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	475.782.050	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	2.703.583.658.806	3.518.691.350.382
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	168.638.877.414	257.584.809.315
Công ty TNHH KD TM và PT DV Sơn La	530.954.129.580	133.292.885.000
Công ty Cổ phần Nông sản Sông Lam	180.494.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Nông Lâm Vạn Thành Long	292.090.463.228	-
Công ty Cổ phần Thăng Hoa	101.704.750.360	196.612.812.480
Công ty TNHH Nông Nghiệp T&T	34.565.718.560	141.609.380.000
Công Ty Cổ Phần Việt Phi	83.068.554.050	184.068.554.050
Công ty Cổ phần OTE Group	332.222.891.900	579.479.450.400
Công ty TNHH Phát Triển Dịch Vụ Thương Mại Bình Tân	81.687.152.238	117.651.856.080
Công ty Cổ phần Nông sản BenLin	-	347.733.597.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm	239.639.200.255	297.576.647.322
Công ty TNHH Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Ngọc Hồi	138.079.612.686	179.799.452.686
Công ty TNHH đầu tư kinh doanh Nhật Tân	38.689.484.879	196.136.780.540
Công ty cổ phần Nông Sản BIVC Quốc Tế	-	44.975.327.100
Công ty Cổ phần Càng Rau quả	83.790.769.000	191.975.378.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Rau quả I	34.781.735.800	321.471.759.020
Các khách hàng khác	363.176.318.856	328.722.660.489
Cộng	<u>2.714.759.096.330</u>	<u>3.518.691.350.382</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	115.690.518.984	13.949.144.029
Công ty TNHH TMDV Cơ khí Ô tô Liên Tựu GENESUS, INC.	8.249.835.474	4.079.762.262
Công ty TNHH TV TKXD Thành Huy	214.793.915	1.722.322.520
Công ty TNHH Kỹ Thuật XD Thành An	1.414.650.000	-
Công ty TNHH PIGTEK Việt Nam	9.056.084.706	-
Công ty TNHH DV TM Hoàng Trường	1.715.000.000	-
Công ty TNHH WILMAR MARKETING CLV	2.837.848.400	16.453.700
Công ty TNHH TM DV Tân Hữu Qui BANARSI DAS&SONS	1.396.500.000	-
Nalinaksha Agro Products Private Limited	1.264.859.728	-
Anhui Huaheng Biotechnology Co Ltd	2.117.645.179	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao SyBa	1.155.207.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô Thị Sông Hồng	31.151.531.104	-
Trả trước tiền thuê đất KCN Nhơn Hòa	23.751.499.500	-
Các nhà cung cấp khác	9.274.303.500	-
Cộng	115.690.518.984	13.949.144.029

5. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà (1)	3.587.177.317	-	5.572.002.164	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Phú Thịnh (2)	756.669.707	-	1.428.965.059	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thái Sơn Thư (3)	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương Mại Kim Hối (4)	2.791.962.232	-	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn (5)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty TNHH chăn nuôi Công Minh Hòa Hội (6)	975.000.000	-	1.275.000.000	-
Cộng	17.110.809.256	-	21.275.967.223	-

(1) Là khoản cho Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà vay theo các hợp đồng sau:

+ Phụ lục PL02/2019/BAF-LH ký ngày 04/01/2019 kèm theo hợp đồng cho thuê tài sản số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà. Số tiền cho vay 6.000.000.000 VND. Thời hạn trả gốc và lãi tương ứng 12 quý (từ quý 4/2019 đến quý 3/2022). Lãi suất cho vay: 10,8 %/năm (tính lãi sẽ tính cố định theo tháng là 0,9%/ tháng). Mục đích vay: Hoàn thiện trang trại để bàn giao đưa vào hoạt động. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cấn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Lê Hà hàng quý (trừ vào lãi trước và gốc sau).

+ Phụ lục số 03 ký ngày 25/09/2019 kèm theo hợp đồng cho thuê tài sản số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư Lê Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hà; số tiền vay là 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 4 năm từ quý 4 năm 2019 đến quý 4 năm 2023. Lãi suất 1.08 %/tháng (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay). Mục đích vay: Nhằm lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch cho heo uống và sử dụng sinh hoạt cho toàn trang trại cho thuê. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cấn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Lê Hà hàng quý.

(2) Là khoản cho Công ty TNHH Chăn nuôi Phú Thịnh vay theo phụ lục VI ký ngày 24/07/2018 kèm theo hợp đồng số 26/01/BAF-PT2 ngày 26/01/2018 giữa Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH Chăn nuôi Phú Thịnh; số tiền 2.000.000.000 VND. Thời hạn khoản vay là 36 tháng. Lãi suất 10,8 %/năm (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay). Mục đích vay: Đầu tư xây dựng, lắp đặt bổ sung một số hạng mục của trang trại. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cấn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Phú Thịnh hàng quý.

(3) Là khoản cho Công ty TNHH TMDV Thái Sơn Thụ vay theo hợp đồng vay số 01.07.2020 ngày 01/07/2020, thời hạn vay: 2 năm, lãi suất 8%/năm, mục đích vay: Hỗ trợ hoàn thiện trang trại 2.100 heo nái tại địa chỉ ấp Lễ Trang, xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

(4) Là khoản cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi vay theo phụ lục V ký ngày 26/04/2019 kèm theo hợp đồng số 01-180419/BAF-KH ngày 18/04/2019 giữa công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam và Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi; số tiền 4.000.000.000 VND, thời hạn khoản vay 47 tháng bắt đầu từ tháng 5/2019 đến tháng 3/2023. Lãi suất 10,8 %/năm (tính lãi sẽ tính cố định theo tháng là 0,9%/tháng). Mục đích vay: Hoàn thiện trang trại và đưa vào sử dụng. Phương thức trả nợ gốc và lãi vay: Cấn trừ vào tiền thuê trại mà bên BAF phải thanh toán cho bên Kim Hợi hàng quý, tính từ Quý 1 năm 2021.

(5): Khoản cho vay Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn theo hợp đồng vay ngày 01/07/2020. Thời hạn vay 30 tháng tính từ ngày 20/09/2020, lãi suất vay: 0%. Mục đích vay: Xây dựng công trình, lắp đặt các thiết bị và xây dựng 01 bể chứa nước sạch 500m3 cho trang trại.

(6): Khoản cho vay Công ty TNHH chăn nuôi Công Minh Hòa Hội theo hợp đồng vay ngày 26/03/2020. Thời hạn vay 5 năm, lãi suất vay: 8,5%. Mục đích vay: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn tại trang trại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Phải thu khác****a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	19.255.131.513	-	19.255.131.513	-
Tạm ứng thành viên Ban lãnh đạo (*)	19.255.131.513	-	19.255.131.513	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	13.627.174.323	-	27.016.044.113	-
Tiền lãi cho vay	1.199.945.205	-	1.841.945.205	-
Tạm ứng	1.815.376.827	-	1.559.995.426	-
Đặt cọc	2.600.000	-	2.600.000	-
Ký cược ký quỹ	26.760.000	-	26.760.000	-
Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn góp của Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh theo HĐ Số 18062020/NAK-BAF	-	-	4.000.000.000	-
Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn góp của Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1 theo HĐ số 07/2020/HĐNT-TTX1-BAF	-	-	6.000.000.000	-
Đặt cọc tiền chuyển nhượng vốn góp của Ông Phạm Hùng Thắng tại Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1 theo HĐ số 07/2020/HĐNT-TTX2-BAF	-	-	4.500.000.000	-
Phải thu GENESUS, INC do heo chết Nhập khẩu	4.101.293.725	-	5.601.293.725	-
Phải thu AG WORLD INTERNATIONAL CORP do heo chết nhập khẩu	2.408.429.159	-	2.922.349.559	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.072.769.407	-	561.100.198	-
Cộng	32.882.305.836	-	46.271.175.626	-

(*) Khoản tạm ứng cho ông Nguyễn Đức Thắng – Giám đốc dự án để đàm phán và nhận chuyển nhượng vốn góp từ các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn. Số tiền tạm ứng là 19.255.131.513 VNĐ. Dự kiến trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty sẽ hoàn tất việc nhận chuyển nhượng trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAMĐịa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc tiền thuê trại	62.970.000.000		62.970.000.000	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Phú Thịnh (1)	11.280.000.000	-	11.280.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Công Minh Hòa Hội (2)	13.440.000.000	-	13.440.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương Mại Kim Hoi (3)	11.280.000.000	-	11.280.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Lê Hà (4)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Sơn (5)	8.640.000.000	-	8.640.000.000	-
Bà Mai Thị Thuộc (6)	6.030.000.000	-	6.030.000.000	-
Bà Trần Thị Thu Hương (7)	3.300.000.000	-	3.300.000.000	-
Ký cược, ký quỹ (8)	16.380.000.000	-	4.200.000.000	-
Phải thu khác	2.560.000.000	-	3.539.400.000	-
Cộng	81.910.000.000	-	70.709.400.000	-

(1) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 26/01/BAF-PT2 ngày 26/1/2018. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 11.280.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

(2) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 2017/CM-BAF ngày 10/2017. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 13.440.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

(3) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo các Hợp đồng thuê tài sản sau:
+Hợp đồng số 01-180419/BAF-KH ngày 18/04/2019. Thời gian thuê trại 15 năm, đặt cọc số tiền 6.600.000.000 VND.
+Hợp đồng số 02-180419/BAF-KH ngày 18/04/2019. Thời gian thuê trại 15 năm, đặt cọc số tiền 4.680.000.000 VND.

(4) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 0401.2019/BAF-LH ngày 04/1/2019. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 9.000.000.000 VND tương đương 12 tháng thuê trại.

(5) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê trại chăn nuôi số 04/10/CNBS/BAFVN-2019 ngày 04/10/2019. Thời gian thuê trại là 15 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng, đặt cọc số tiền 8.640.000.000 VND.

(6) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo các Hợp đồng thuê tài sản sau:
+Hợp đồng số 01.02/2018HĐCTTS ngày 08/02/2018. Thời gian thuê trại 10 năm kể từ ngày bàn giao, đặt cọc số tiền 2.730.000.000 VND tương đương 6 tháng thuê trại.
+Hợp đồng số 02.07/2017/HĐCTTS ngày 21/06/2017. Thời gian thuê trại 10 năm kể từ ngày 01/09/2017 đến 01/09/2027, đặt cọc số tiền 3.300.000.000 VND tương đương 6 tháng thuê trại.

(7) Là khoản đặt cọc thuê trang trại chăn nuôi heo theo hợp đồng thuê tài sản số 18/5/2019/HĐKT-TH- BAF ngày 18/05/2019. Thời gian thuê trại là 13 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng, đặt cọc số tiền 3.300.000.000 VND tương đương 6 tháng thuê trại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(8) Bao gồm 6 khoản ký quỹ thực hiện dự án:

+ Khoản ký quỹ của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh tại Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Tây Ninh bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với dự án "Xây dựng trang trại nuôi heo theo mô hình trang trại lạnh khép kín" theo quyết định số 2656/QĐ- UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh. Số tiền ký quỹ là 2.400.000.000 VND

+ Khoản ký quỹ của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh tại Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Tây Ninh bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với dự án "Xây dựng trang trại nuôi heo theo mô hình trang trại lạnh khép kín" theo quyết định số 2654/QĐ- UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh. Số tiền ký quỹ là 1.800.000.000 VND.

+ Khoản ký quỹ của Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh. Số tiền ký quỹ là 1.800.000.000 VND.

+ Khoản ký quỹ của Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh. Số tiền ký quỹ là 7.500.000.000 VND.

+ Khoản ký quỹ của Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1. Số tiền ký quỹ là 1.440.000.000 VND.

+ Khoản ký quỹ của Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 2. Số tiền ký quỹ là 1.440.000.000 VND.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	480.336.476	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	35.261.660.780	-	21.359.097.626	-
Công cụ, dụng cụ	5.330.135.784	-	132.366.416	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	613.989.745.563	-	117.003.766.096	-
Thành phẩm	9.042.895.226	-	2.488.425.803	-
Hàng hóa	423.613.384.286	-	848.406.929.352	-
Cộng	1.087.718.158.115	-	989.390.585.293	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAMĐịa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	6.695.195.605	5.635.664.452
Heo nái, heo nọc	73.806.792.267	66.854.629.052
Nhận chuyển nhượng QSDĐ (*)	95.144.832.918	30.843.968.577
Các chi phí trả trước dài hạn khác	30.000.000	60.000.000
Cộng	<u>175.676.820.790</u>	<u>103.394.262.081</u>

(*) Là khoản nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ241080 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ngày 14/11/2016 của thửa đất số 601, Tờ bản đồ số 18, Ấp Hòa Đông A, Xã Hòa Hiệp, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh; diện tích 83.613,2 m²; mục đích là đất phi nông nghiệp; thời hạn sử dụng đến ngày 31/07/2064.+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE979084 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ngày 14/08/2017 của thửa đất số 1434, Tờ bản đồ số 5, Xã Thạnh Tây, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh; diện tích 935,75 m²; mục đích là đất phi nông nghiệp; thời hạn sử dụng đến ngày 17/07/2067.+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU572352 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ngày 02/12/2020 của thửa đất số 13, tờ bản đồ số 111; tại Ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; diện tích 65.975,6 m²; mục đích là đất nông nghiệp; thời hạn sử dụng đến ngày 31/10/2053.+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU572353 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ngày 02/12/2020 của thửa đất số 22, tờ bản đồ số 111; tại Ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; diện tích 84.024,4 m²; mục đích là đất nông nghiệp; thời hạn sử dụng đến ngày 31/10/2053.+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV879808 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ngày 02/12/2020 của thửa đất số 1, tờ bản đồ số 36; tại Ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; diện tích 149.252,3 m²; mục đích là đất nông nghiệp; thời hạn sử dụng đến ngày 30/04/2059.**9. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.843.138.965	-
Lợi thế thương mại phát sinh trong năm	813.408.376	3.960.963.896
Phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí	(395.845.977)	(117.824.931)
Cộng	<u>4.260.701.364</u>	<u>3.843.138.965</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	144.420.634.912	44.253.038.967	14.160.625.452	1.985.626.747	50.944.828.908	255.764.754.986
Tăng tài sản cố định từ Xây dựng cơ bản	15.930.773.565	-	-	-	-	15.930.773.565
Mua sắm mới trong năm	27.189.780.542	14.134.367.994	7.230.000.000	-	215.691.733	48.769.840.269
Tăng trong năm do chuyển Heo thành TSCĐ từ Xây dựng cơ bản	-	-	-	-	6.537.864.974	6.537.864.974
Tăng trong năm do chuyển Heo thành TSCĐ từ Chi phí trả trước	-	-	-	-	1.020.107.241	1.020.107.241
Giảm do thanh lý	-	-	-	-	(21.078.117.082)	(21.078.117.082)
Giảm do heo chết	-	-	-	-	(3.852.746.565)	(3.852.746.565)
Phân loại lại	-	473.181.818	2.143.995.322	(155.000.000)	(2.462.177.140)	-
Tăng trong năm do Hợp nhất	74.216.485.863	70.457.194.736	-	-	-	144.673.680.599
Số cuối năm	261.757.674.882	129.317.783.515	23.534.620.774	1.830.626.747	31.325.452.069	447.766.157.987
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	24.518.049.986	8.241.253.515	3.940.875.383	444.952.669	5.190.194.470	42.335.326.023
Khấu hao trong kỳ	13.587.302.747	3.564.179.435	2.266.439.912	350.493.097	12.284.821.916	32.053.237.107
Giảm do thanh lý heo	-	-	-	-	(5.753.790.924)	(5.753.790.924)
Giảm do heo chết	-	-	-	-	(888.945.970)	(888.945.970)
Phân loại lại	-	285.325.753	(112.688.008)	(111.083.319)	(61.554.426)	-
Tăng do Hợp nhất	8.912.140.853	11.553.942.617	-	-	-	20.466.083.470
Số cuối năm	47.017.493.586	23.644.701.320	6.094.627.287	684.362.447	10.770.725.066	88.211.909.706
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	119.902.584.926	36.011.785.452	10.219.750.069	1.540.674.078	45.754.634.438	213.429.428.963
Số cuối năm	214.740.181.296	105.673.082.195	17.439.993.487	1.146.264.300	20.554.727.003	359.554.248.281

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 142.842.074.848 VND và 113.071.324.932 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang và Ngân hàng TMCP Á Châu.

11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	33.000.000	658.676.000	691.676.000
Tăng trong năm do mua mới	-	-	554.540.000	554.540.000
Tăng trong năm từ Xây dựng cơ bản	180.849.310.000	-	-	180.849.310.000
Tăng do Hợp nhất	-	-	107.500.000	107.500.000
Số cuối năm	180.849.310.000	33.000.000	1.320.716.000	182.203.026.000
<i>Tài sản hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng</i>	-	33.000.000	-	33.000.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	27.683.343	325.138.217	352.821.560
Khấu hao trong năm	-	5.316.657	149.167.746	154.484.403
Tăng do Hợp nhất	-	-	80.624.997	80.624.997
Số cuối năm	-	33.000.000	554.930.960	587.930.960
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	5.316.657	333.537.783	338.854.440
Số cuối năm	180.849.310.000	-	765.785.040	181.615.095.040

(*) Là các quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở sau:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CM 602457 cấp ngày 22 tháng 03 năm 2019 tại thửa đất số 503, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ 136B Mai Chí Thọ, khu phố 3, Phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh; diện tích 933,8m²; với nguyên giá là 103.000.000.000 VND, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng lâu dài.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CC 789064 cấp ngày 02 tháng 03 năm 2016 tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ 135E Mai Chí Thọ, Khu phố 3, Phường An Phú, Quận 2, TP.Hồ Chí Minh; diện tích 553,3m²; với nguyên giá 77.849.310.000 VND, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng lâu dài

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	15.175.990.712	-	15.175.990.712
Tăng trong năm	-	(263.074.030)	(263.074.030)
Số cuối năm	15.175.990.712	(263.074.030)	14.912.916.682

Bất động sản đầu tư của Công ty gồm:

+ Căn hộ chung cư số 1407, diện tích 172,2 m² tại Khu D, khu phức hợp Mandarin Garden, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 333969 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà nội cấp ngày 14/11/2017, nguyên giá là 1.065.760.712 VND.

+ Bất động sản đầu tư là sàn văn phòng ô số 4, tầng 12A, diện tích 389.7 m² tại địa chỉ số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 505014 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà nội cấp ngày 07/02/2020, nguyên giá là 14.110.230.000 VND. Công ty đã chuyển từ bất động sản chờ tăng giá sang cho thuê

13. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Đây là chi phí xây dựng, mua sắm lắp đặt máy móc thiết bị tại các nhà máy sản xuất và các trại chăn nuôi. Thông tin chi tiết như sau

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng trại Anh Vũ Phú Yên	142.313.169.251	-
Xây dựng trại Trang Trại Xanh 1	80.053.044.670	-
Xây dựng trại Bảo Ngọc	6.083.672.133	-
Khu đất 136 B Mai Chí Thọ, Khu phố 3, Phường An Phú, Quận 2 thành phố Hồ Chí Minh	-	90.000.000.000
Khác	19.752.081.737	27.655.343.850
TỔNG CỘNG	187.352.489.955	117.655.343.850

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả người bán****a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các nhà cung cấp khác	3.774.329.848.165	4.529.370.317.713
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	608.016.363.680	193.033.011.407
Công ty Cổ phần Logistics Hong Kong	-	37.445.568.672
Công ty cổ phần CHIPSGOOD - VEGETEXCO	287.535.418.940	460.485.273.851
Công ty cổ phần kinh doanh thương mại Thịnh Phát	803.555.401.736	410.855.568.430
Công ty Cổ Phần Xuất Nhập khẩu Thủ Công Mỹ Nghệ	-	505.977.716.870
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh và phát triển thương mại Minh Đức	-	204.953.134.880
Công ty Cổ phần Nông sản Caivi Việt Nam	8.834.929.100	265.227.041.600
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp An Điền	7.016.077.453	191.970.337.500
Công ty Cổ phần Otran Logistics	286.315.617.400	495.213.428.400
Công ty Cổ phần Gạo Vi Dân	-	111.808.684.100
Công ty TNHH SX TM DV Sơn Hưng	198.845.156.840	194.641.918.800
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Tân Mai	113.489.425.280	149.271.439.260
Công ty CP Sản xuất Bao Bì và Xuất nhập Khẩu Hà Nội	-	136.979.006.320
Tổng Công ty Rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần	-	301.114.071.950
Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty Cổ phần	-	58.412.641.200
Công ty Cổ phần Nông sản Bờ biển Ngà	-	468.332.271.977
Công ty Cổ phần Nông sản MOGB Quốc Tế	617.171.520.673	7.099.376.173
Công ty Cổ phần Nông sản TZAN Quốc Tế	438.557.808.100	-
Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông lâm sản Thái Nguyên	296.962.674.460	235.818.351.500
Các nhà cung cấp khác	108.029.454.503	100.731.474.823
Cộng	<u>3.774.329.848.165</u>	<u>4.529.370.317.713</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các khách hàng khác	1.445.709.084	48.988.880.825
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng	-	48.323.346.825
Công ty Cổ phần Chăn nuôi BGF	150.000.000	-
Phạm Hoàng Dạ Thảo	275.784.000	-
Nguyễn Duy Huân	528.664.009	-
Lê Hồng Quyên	150.000.250	-
Các khách hàng khác	341.260.825	665.534.000
Cộng	<u>1.445.709.084</u>	<u>48.988.880.825</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	53.755.185	151.391.548	(63.045.454)	34.590.909	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.632.695.526	-	66.115.605.996	(63.433.657.343)	14.314.644.179	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.257.327.597	(1.127.293.617)	130.033.980	-
Thuế nhà đất	-	-	389.831.260	(389.831.260)	-	-
Cộng	11.632.695.526	53.755.185	67.914.156.401	(65.013.827.674)	14.479.269.068	-

Thuế giá trị gia tăng

Đối với hoạt động bán sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt qua sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: Không phải kê khai tính nộp thuế GTGT, đối với các hoạt động khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ. Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khác	2.548.750.000	1.631.818.604
Cộng	<u>2.548.750.000</u>	<u>1.631.818.604</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	822.508.830	-
Phải trả tiền mua Vật tư, hàng hóa chưa Hóa đơn	23.369.290.733	-
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Phạm Hùng Thăng (CSH Công ty Nam An Khánh)	4.600.000.000	-
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Hoàng Văn Định (CSH Công ty Bảo Ngọc)	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Phạm Hùng Thăng (CSH Công ty Bắc An Khánh)	-	4.200.000.000
Phải trả tiền mua cổ phần Ông Phạm Hùng Thăng (CSH Công ty Đông An Khánh)	-	5.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2,584,111,901	387.394.952
Cộng	<u>34.375.911.464</u>	<u>12.587.394.952</u>

19. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	5.412.249.077	5.412.249.077	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (1)	5.412.249.077	5.412.249.077	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	10.730.640.000	10.730.640.000	10.210.640.000	10.210.640.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang (2)	2.844.000.000	2.844.000.000	2.324.000.000	2.324.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	7.886.640.000	7.886.640.000	7.886.640.000	7.886.640.000
Cộng	<u>16.142.889.077</u>	<u>16.142.889.077</u>	<u>10.210.640.000</u>	<u>10.210.640.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh và các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Tăng do Hợp nhất	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay và nợ ngắn hạn	Kết chuyển	
					Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	-	50.700.000.000	-	(50.700.000.000)	-
Công ty cổ phần Sibafood Việt Nam	-	-	50.700.000.000	-	(50.700.000.000)	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	5.412.249.077	-	-	5.412.249.077
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Kinh Đô	-	-	5.412.249.077	-	-	5.412.249.077
Vay dài hạn đến hạn trả	10.210.640.000	-	-	10.730.640.000	(10.210.640.000)	10.730.640.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	2.324.000.000	-	-	2.844.000.000	(2.324.000.000)	2.844.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	7.886.640.000	-	-	7.886.640.000	(7.886.640.000)	7.886.640.000
Cộng	10.210.640.000	-	56.112.249.077	10.730.640.000	(60.910.640.000)	16.142.889.077

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	146.937.153.321	146.937.153.321	64.318.000.959	64.318.000.959
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	24.451.220.959	24.451.220.959	27.295.220.959	27.295.220.959
Ngân hàng TMCP Á Châu	28.807.431.000	28.807.431.000	37.022.780.000	37.022.780.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	93.678.501.362	93.678.501.362	-	-
Cộng	146.937.153.321	146.937.153.321	64.318.000.959	64.318.000.959

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	64.318.000.959	-	93.678.501.362	(328.709.000)	(10.730.640.000)	146.937.153.321
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiên Giang (1)	27.295.220.959	-	-	-	(2.844.000.000)	24.451.220.959
Ngân hàng TMCP Á Châu (2)	37.022.780.000	-	-	(328.709.000)	(7.886.640.000)	28.807.431.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (3)	-	-	93.678.501.362	-	-	93.678.501.362
Cộng	64.318.000.959	-	93.678.501.362	(328.709.000)	(10.730.640.000)	146.937.153.321

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	-	19.761.620.663	-	119.761.620.663
Tăng vốn trong năm bằng tiền	400.000.000.000	-	-	-	400.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	45.826.798.206	-	45.826.798.206
Số dư cuối năm trước	500.000.000.000	-	65.588.418.869	-	565.588.418.869
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	-	65.588.418.869	-	565.588.418.869
Lợi ích cổ đông không kiểm soát do hợp nhất	280.000.000.000	279.844.500.000	-	7.620.000.000	567.464.500.000
Điều chỉnh lợi ích cổ đông không kiểm soát do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	14.441.319	(39.890.775)	(25.449.456)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	321.763.765.971	70.554.264	321.834.320.235
Số dư cuối kỳ này	780.000.000.000	279.844.500.000	387.366.626.159	7.650.663.489	1.454.861.789.648

(*) Tăng vốn theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam số 29.04.2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc triển khai Phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 500.000.000.000 đồng lên 780.000.000.000 đồng. Ngày 01 tháng 9 năm 2021, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 5089/UBCK-QLCB chấp thuận Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 19/2021/BC-BAF ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Bà Bùi Hương Giang	103.375.000.000	13,25%	400.000.000.000	80,00%
Ông Phan Ngọc Ân	49.550.000.000	6,35%	-	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	-	50.000.000.000	10,00%
Bà Vũ Thị Thuỳ Dung	-	-	50.000.000.000	10,00%
Các cổ đông khác	627.075.000.000	80,40%	-	-
Cộng	780.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**c) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	78.000.000	50.000.000
-Cổ phiếu phổ thông	78.000.000	50.000.000
-Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
-Cổ phiếu phổ thông	-	-
-Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.000.000	50.000.000
-Cổ phiếu phổ thông	78.000.000	50.000.000
-Cổ phiếu ưu đãi	78.000.000	50.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán nông sản	9.692.090.185.975	12.414.899.999.545
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	720.503.306.629	425.547.414.526
Giá vốn Dịch vụ đã cung cấp	1.636.994.277	5.190.755.990
Cộng	<u>10.414.230.486.881</u>	<u>12.845.638.170.061</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	595.796.386	32.092.635
Cộng	<u>595.796.386</u>	<u>32.092.635</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn nông sản	9.477.035.704.549	12.288.455.478.292
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	445.642.331.671	358.854.740.476
Giá vốn Dịch vụ đã cung cấp	2.625.537.971	3.109.122.390
Cộng	<u>9.925.303.574.191</u>	<u>12.650.419.341.158</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.788.889.486	3.400.493.124
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.519.384	93.622.930
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.600.000.000	-
Chiết khấu thanh toán	-	584.103.229
Cộng	<u>5.398.408.870</u>	<u>4.078.219.283</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	8.252.007.658	114.976.065.796
Lãi mua hàng trả chậm	15.919.735.803	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.165.813	4.174.713.753
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	7.914.833.333	-
Cộng	<u>32.098.742.607</u>	<u>119.150.779.549</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.707.146.411	1.316.995.200
Chi phí khấu hao	1.174.320.678	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.121.664.072	11.382.800
Các chi phí khác	739.841.997	334.474.857
Cộng	<u>15.742.973.158</u>	<u>1.662.852.857</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	33.932.186.639	3.546.003.250
Chi phí vật liệu quản lý	58.103.094	184.316.316
Chi phí đồ dùng văn phòng	880.451.418	519.597.467
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.476.504.874	1.826.507.955
Thuế, phí và lệ phí	196.923.692	1.472.134.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.159.574.250	3.819.849.885
Các chi phí khác	12.926.478.706	3.354.109.075
Phân bổ lợi thế thương mại	395.845.977	117.824.931
Cộng	<u>55.026.068.650</u>	<u>14.840.343.136</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý Tài sản cố định con giống	8.433.398.242	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	39.054.041	26.897.120
Thu nhập khác	70.074.000	988.870.825
Cộng	<u>8.542.526.283</u>	<u>1.015.767.945</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ Heo tại trại thanh lý	-	433.757.561
Giá trị còn lại Heo nái chết	2.963.800.594	5.957.065.742
Giá trị còn lại Heo chết từ CCDC	4.616.904.558	-
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	601.130.971	4.385.305
Chi phí khác	11.812	289.763.327
Cộng	<u>8.181.847.935</u>	<u>6.684.971.935</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: 56 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

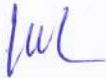
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Myanmar BAF Joint Venture Company Limited		
Đầu tư vào Công ty liên doanh bằng hàng hóa	-	19.640.362.522
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng	18.670.521.124	-
Thu tiền bán hàng	7.970.865.650	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội		
Phải thu tiền bán hàng	790.669.080	-
Thu tiền bán hàng	314.887.030	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2, V.3, V.6.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Mỹ Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Phó Tổng Giám đốc



Phan Ngọc Ân

Ngày 28 tháng 1 năm 2022